

Bản án số: 84/2020/HSST  
Ngày 23/ 11/2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH Q**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan T Anh.*

*Các hội thẩm nhân dân:*

1, Bà **Vũ Thị Thanh**

2, Ông **Đàm Chí Th**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Thị Lan** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Q.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q tham gia phiên tòa:** Ông **Dương Văn Phúc** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Q mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 93/2020/HSST ngày 23 tháng 10 năm 2020, theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 81/2020/QĐXXST ngày 09 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **PHẠM THỊ T** (không có tên gọi khác); Sinh ngày 24 tháng 10 năm 1977. Tại Q, Q; Nơi cư trú: Thôn 4, xã L, thị xã Q, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phạm Văn H, sinh năm 1939; Con bà Vũ Thị Th, sinh năm 1942; Có chồng là: Trần Văn T, sinh năm 1971; Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 29/7/2020, bị tạm giữ đến ngày 07/8/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN L** (không có tên gọi khác); Sinh ngày 05 tháng 02 năm 1974. Tại Q, Q; Nơi cư trú: Thôn 6, xã L, thị xã Q, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn Ê (đã chết); Con bà Vũ Thị H, sinh năm 1942; Có vợ là: Nguyễn Thị

H, sinh năm 1979; Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 29/7/2020, bị tạm giữ đến ngày 07/8/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **TRẦN VĂN T** (không có tên gọi khác); Sinh ngày 20 tháng 10 năm 1971. Tại Q, Q; Nơi cư trú: Thôn 4, xã L, thị xã Q, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Văn Ng, sinh năm 1931; Con bà Lê Thị Ngh (đã chết); Có vợ là: Phạm Thị T, sinh năm 1977; Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **PHẠM VĂN Đ** (không có tên gọi khác); Sinh ngày 02 tháng 6 năm 1979. Tại Q, Q; Nơi cư trú: Số 57, phố Đông Tiến I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phạm Văn M, sinh năm 1948; Con bà Trần Thị X, sinh năm 1948; Có vợ là: Hoàng Thị L, sinh năm 1984; Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo đầu thú ngày 30/7/2020, bị tạm giữ đến ngày 07/8/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **PHẠM VĂN T** (không có tên gọi khác); Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1964. Tại Q, Q; Nơi cư trú: Thôn 5, xã L, thị xã Q, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 05/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phạm Văn Nh (đã chết); Con bà Lê Thị V, sinh năm 1938; Có vợ là: Đỗ Thị B (đã ly hôn); Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 29/7/2020, bị tạm giữ đến ngày 07/8/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **TRẦN VĂN T** (không có tên gọi khác); Sinh ngày 02 tháng 02 năm 1969. Tại Q, Q; Nơi cư trú: Thôn 4, xã L, thị xã Q, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 07/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Văn Đ, sinh năm 1936; Con bà Lưu Thị M, sinh năm 1936; Có vợ là: Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1971; Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 29/7/2020, bị tạm giữ đến ngày 07/8/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ M** (không có tên gọi khác); Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1967. Tại Q, Q; Nơi cư trú: Thôn 5, xã L, thị xã Q, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 02/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn B (đã chết); Con bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1937; Có chồng là: Lê Văn C, sinh năm 1964; Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 29/7/2020, bị tạm giữ đến ngày 07/8/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: **PHẠM VĂN TH** (không có tên gọi khác); Sinh ngày 09 tháng 8 năm 1980. Tại Q, Q; Nơi cư trú: Thôn 5, xã L, thị xã Q, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phạm Văn H, sinh năm 1939; Con bà Vũ Thị Th, sinh năm 1942; Có vợ là: Phùng Thị D, sinh năm 1984; Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 29/7/2020, bị tạm giữ đến ngày 07/8/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 15 giờ 50 phút ngày 29/7/2020 tại nhà vợ chồng Phạm Thị T, Trần Văn T ở thôn 4, xã L, thị xã Q, tỉnh Q. Công an thị xã Q bắt quả tang:

Tại tầng 01 có các bị cáo gồm: Phạm Thị T, Phạm Văn T và Trần Văn T đang có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức đánh “*Phỏm*”, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 2.300.000 đồng, 01 bộ bài tứ lơ khơ 40 quân, 01 chiếu nhựa. Ngoài ra còn thu giữ trong người của T số tiền 500.000 đồng, thu giữ trên người của T số tiền 3.509.000 đồng, thu giữ trên người của T số tiền 2.000.000 đồng là tiền các bị cáo mang theo dùng vào mục đích đánh bạc.

Tại tầng 02 có các bị cáo gồm: Nguyễn Văn L, Phạm Văn Th, Nguyễn Thị M, Phạm Văn Đ và Trần Văn T đang có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức đánh “*Chắn*”, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.231.000 đồng, 01 bắt sừ có hoa văn màu xanh, 01 bộ bài chắn 120 cây, 01 chiếu tre và 01 chiếu cói màu nâu. Trong khi bắt quả tang, T và Đ lợi dụng sơ hở đã chạy theo lối sau tầng hai nhảy xuống đường bỏ chạy thoát.

Ngoài ra Cơ quan điều tra còn thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu vàng, số tiền 2.020.000 đồng của Phạm Văn Đ bị rơi tại nhà T khi bỏ chạy; của Phạm Thị T 01 điện thoại Iphone X màu vàng hồng, 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng, 01 đồng hồ đeo tay màu vàng, 01 chiếc nhẫn, 01 đôi khuyên tai và 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng; của Phạm Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu vàng, 01 ví giả da

màu nâu, bên trong có thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe và 01 thẻ ATM đều mang tên Phạm Văn T; của Trần Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Phillip màu xanh; của Nguyễn Văn L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đen trắng; của Nguyễn Thị M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 29/7/2020, Nguyễn Văn L, Phạm Văn Đ đến nhà Trần Văn T - Phạm Thị T uống nước, sau đó L gọi điện rủ Nguyễn Thị M lên tầng hai nhà T đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức đánh “Chấn”, sau đó T gọi điện cho Th bảo sang chia bài và được mỗi người trả công cho Th 100.000 đồng. Khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày Trần Văn T và Phạm Văn T đến thì T rủ T và T đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh “Phỏm” bằng bài tứ lơ khơ tại tầng một.

Hình thức đánh “Chấn” là những người chơi lấy một bộ bài chấn loại 120 cây được làm bằng giấy, một mặt in hình các con vật, người, hai đầu có chữ Trung Quốc, được chia làm chín hàng theo thứ tự nhất, nhị, tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát, cửu (sau đó bỏ đi hàng ngũ và hai bộ nhất) mỗi hàng có mười hai cây, được chia làm ba bộ gồm bộ văn, bộ vạ và bộ sách, mỗi bộ có bốn cây (ví dụ như hàng tứ có bốn cây tư văn, bốn cây tứ vạ và bốn cây tứ sách). Cách chơi đánh bài chấn là lấy bộ bài chấn chia thành năm phần, bốn người chơi mỗi người một phần, mỗi phần 19 cây, riêng phần bài lọc là 24 cây để ở bát sứ dưới chiếu cho bốn người chơi bốc bài lần lượt từ dưới lên theo vòng đến khi kết thúc hoặc ù. Người được cái phải bốc ở bài lọc một cây sau đó đánh cho người ngồi kế tiếp. Ai thắng ván bài gọi là ù và được nhận trực tiếp số tiền tương ứng của ba người còn lại, tùy từng kiểu ù đã quy ước từ trước (nếu người ù suông thì ba người còn lại phải trả cho người ù mỗi người 10.000 đồng, tương tự nếu ù có tôm hoặc leo là 20.000 đồng) ngoài ra nếu ù tám đỏ (trong số bài trên tay người ù có 8 cây bài màu đỏ) hoặc ù bạch Đ (tất cả các cây bài trên tay người ù đều màu đen) sẽ được ba người còn lại là 30.000 đồng mỗi ván). Phần bài lọc được bốc theo thứ tự vòng tròn, nếu cây bài bốc trùng với cây trên tay người bốc hoặc người bốc bài tiếp theo thì được phép ăn và hạ cây bài tương tự xuống và đánh một cây đi, đến khi bài đủ “chấn” đủ “cạ” và bốc được cây còn lẻ trên bài thì ù. Người có bài ù là người có từ sáu đôi cây bài giống hệt nhau trở lên, số còn lại phải là các cây cùng hàng, khác bộ (gọi là “cạ”).

Hình thức đánh “Phỏm” là những người chơi dùng một bộ bài tứ lơ khơ gồm 52 quân, do chỉ có 03 người chơi nên các bị cáo thống nhất bỏ từ hàng 10 đến hàng K, còn lại dùng 36 quân bài, chia cho 03 phần, mỗi phần 08 lá (riêng người chia bài được 09 lá và là người được đánh trước), còn lại 11 quân để dưới chiếu cho những người chơi bốc lần lượt đến hết hoặc có người ù. Người thắng ván bài là người có số điểm còn lại thấp nhất hoặc được ù, người có số điểm cao sẽ lần lượt gọi là nhì và bét (hoặc nếu không có phỏm thì gọi là cháy) và sẽ phải trả tiền cho người thắng số tiền tương ứng (bét là 20.000 đồng, nhì là 10.000 đồng, nếu cháy thì phải trả 30.000 đồng), nếu ù thì được nhận của hai người chơi còn lại mỗi người 50.000 đồng.

Quá trình đánh bạc T bỏ ra số tiền 2.100.000 đồng; T cầm theo số tiền 3.709.000 đồng. T cầm theo số tiền 2.500.000 đồng; Đ cầm theo số tiền 3.820.000 đồng; L cầm theo khoảng 1.300.000 đồng; M cầm theo số tiền 1.300.000 đồng; T bỏ ra 800.000 đồng. Tất

cả số tiền các bị cáo cầm theo đều sử dụng vào mục đích đánh bạc, đến khi bị bắt toàn bộ số tiền bỏ ra để đánh bạc vẫn còn nguyên ở dưới chiếu và bị Công an thị xã Q thu giữ.

Vật chứng gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 40 quân, 01 chiếu nhựa, 01 bát sứ có hoa văn màu xanh, 01 bộ bài chắn 120 quân, 01 chiếu tre và 01 chiếu cói màu nâu và số tiền 15.560.000 đồng, là tiền, công cụ, phương tiện sử dụng để đánh bạc, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, đen trắng của Nguyễn Văn L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh của Nguyễn Thị M chuyển Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q để đảm bảo giải quyết vụ án; các tài sản khác không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo.

Quá trình điều tra các bị cáo Phạm Thị T, Nguyễn Văn L, Trần Văn T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn T, Trần Văn T, Nguyễn Thị M và Phạm Văn Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Bản cáo trạng số 93/CT-VKSQY, ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q truy tố các bị cáo Phạm Thị T, Nguyễn Văn L, Trần Văn T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn T, Trần Văn T, Nguyễn Thị M và Phạm Văn Th về tội “*Đánh bạc*” theo quy Đ tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phạm Thị T, Nguyễn Văn L, Trần Văn T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn T, Trần Văn T, Nguyễn Thị M và Phạm Văn Th phạm tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị T từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65

của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn Th từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 09 ngày (từ 29/7/2020 đến ngày 07/8/2020) tạm giữ x 3 = 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn T từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận quyết Đ thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao các bị cáo Phạm Thị T, Nguyễn Văn L, Trần Văn T, Phạm Văn T, Trần Văn T, Nguyễn Thị M cho Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Q, tỉnh Q cùng gia đình các bị cáo giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phạm Văn Th cho Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Q, tỉnh Q giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Phạm Văn Đ cho Ủy ban nhân dân thị trấn Tiên Yên, huyện Tiên Yên, tỉnh Q cùng gia đình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 15.560.000 đồng là tiền đánh bạc; Tịch thu tiêu hủy 40 quân bài tú lơ khơ, 120 quân bài chắn, một bát sứ có hoa văn màu xanh, một chiếu nhựa, một chiếu tre và một chiếu cói màu nâu là công cụ, phương tiện dùng để đánh bạc.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, đen trắng thu của Nguyễn Văn L, 01 Oppo màu xanh thu của Nguyễn Thị M.

Tình trạng các vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q.

Tại phần tranh luận, các bị cáo Phạm Thị T, Nguyễn Văn L, Trần Văn T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn T, Trần Văn T, Nguyễn Thị M và Phạm Văn Th đều không tranh luận gì với nội dung bản luận tội và thừa nhận việc truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, không bị oan sai. Các bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để có cơ hội làm lại cuộc đời và trở thành công dân có ích cho xã hội.

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, các bị cáo.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1] Về hành vi, quyết Đ tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã

thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy Đ tại Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết Đ của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết Đ tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy Đ của pháp luật.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, với vật chứng bị thu giữ, biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 15 giờ 50 phút ngày 29/7/2020, biên bản khám nghiệm hiện trường lập hồi 16 giờ 35 phút ngày 29/7/2020, Sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 29/7/2020, tại nhà Phạm Thị T, Trần Văn T ở thôn 4, xã L, thị xã Q, tỉnh Q, Phạm Thị T, Phạm Văn T, Trần Văn T đang có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh phỏm với số tiền 8.309.000 đồng; Trần Văn T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn L, Phạm Văn Đ và Phạm Văn Th đang có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh chắn với số tiền 7.251.000 đồng thì bị Công an thị xã Q bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

[3] Từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Phạm Thị T, Nguyễn Văn L, Trần Văn T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn T, Trần Văn T, Nguyễn Thị M và Phạm Văn Th đã phạm vào tội “*Đánh bạc*” theo quy Đ tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự, như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q đã quy kết đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

***Điều 321 Bộ luật hình sự quy Đ:***

*“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”.*

Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được đánh bạc là vi phạm pháp luật. Nhưng vì ham chơi, muốn có tiền tiêu sài mà không phải bỏ sức lao động nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền nhằm thỏa mãn thú vui và nhu cầu cá nhân. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tại một địa điểm mà có hai chiều bạc thể hiện sự coi thường pháp luật, bất chấp dư luận quần chúng nhân dân tại địa phương, gây mất trật tự trị an tại địa phương và cũng là nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác. Do đó, cần phải có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, cũng cần phải xem xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và nhân Th của các bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bản Th các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên, cần thiết cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy Đ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Văn Đ sau khi bỏ trốn đã đến Cơ quan điều tra đầu thú, các bị cáo T và Th

có bố đẻ là ông Phạm Văn Hảo được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba và bị cáo T có bố đẻ là ông Trần Văn Nguru được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, cần thiết cho các bị cáo Đ, T, T, Th được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy Đ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về vai trò của các bị cáo:

Trong vụ án này, cùng một địa điểm là nhà của vợ chồng bị cáo Phạm Thị T và Trần Văn T nhưng có hai chiếu bạc ở tầng 1 và tầng 2 bị Công an bắt quả tang.

Tại tầng 1: Bị cáo Phạm Thị T là người khởi xướng rủ Trần Văn T và Phạm Văn T đánh bạc nên T là vai trò chính. T và T xếp vai trò sau T.

Tại tầng 2: Bị cáo Nguyễn Văn L là người khởi xướng, chủ động gọi bị cáo Nguyễn Thị M đến tham gia đánh bạc, bị cáo Trần Văn T là người trực tiếp tham gia đánh bạc và là người gọi bị cáo Phạm Văn Th đến để phục vụ việc chia bài cho các bị cáo đánh bạc nên bị cáo L và bị cáo T là người có vai trò chính sau đó là các bị cáo M, Đ xếp vai trò thứ hai sau L và T, cuối cùng là bị cáo Th.

Như vậy trong vụ án này các bị cáo phạm tội có T chất đồng phạm giản đơn, có người khởi xướng, người thực hành và người giúp sức. Khi quyết Đ hình phạt cần áp dụng Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Tuy nhiên, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo Đ đầu thú, các bị cáo T và Th có bố đẻ là ông Phạm Văn H được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba và bị T có bố đẻ là ông Trần Văn Ng được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Xét thấy, các bị cáo đều có nhân Th tốt, có nơi cư trú rõ ràng, số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo với cộng đồng xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đảm bảo T giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo đều nghề nghiệp không ổn Đ, không có thu nhập ổn Đ. Nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Th không có việc làm và thu nhập ổn Đ gây khó khăn trong việc khấu trừ thu nhập nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[7] Về vật chứng:

- 01 bộ bài tú lơ khơ 40 quân bài; 01 chiếc chiếu nhựa; 01 bát sứ có hoa văn màu xanh; 01 bộ bài chắn 120 cây bài; 01 chiếc chiếu tre màu nâu; 01 chiếc chiếu cói màu nâu đều là công cụ phương tiện phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màn hình trắng đen, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy thu của Nguyễn Văn L sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.



- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy thu của Nguyễn Thị M sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 15.560.000 đồng (mười năm triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) là tiền đánh bạc nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí:

Buộc các bị cáo Phạm Thị T, Nguyễn Văn L, Trần Văn T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn T, Trần Văn T, Nguyễn Thị M và Phạm Văn Th phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy Đ tại Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên;*

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo **Phạm Thị T, Nguyễn Văn L, Trần Văn T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn T, Trần Văn T, Nguyễn Thị M và Phạm Văn Th** phạm tội: “**Đánh bạc**”.

\* Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo **Phạm Thị T**: 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo **Trần Văn T**: 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Văn Đ**: 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

\* Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L**: 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị M**: 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo **Trần Văn T**: 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T**: 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

\* Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 và 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn Th**: 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 27 ngày cải tạo không giam giữ do bị cáo đã bị tạm giữ 09 ngày kể từ 29/7/2020 đến ngày 07/8/2020 ( 01 ngày tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn T từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận quyết Đ thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao bị cáo Phạm Văn Th cho Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Q tỉnh Q giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Giao các bị cáo Phạm Thị T, Nguyễn Văn L, Trần Văn T, Phạm Văn T, Trần Văn T và Nguyễn Thị M cho Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Q, tỉnh Q cùng gia đình các bị cáo giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phạm Văn Đ cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Q cùng gia đình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy Đ của pháp luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết Đ buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy Đ tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” của Tòa án nhân dân thị xã Q đối với các bị cáo Phạm Thị T, Nguyễn Văn L, Trần Văn T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn T, Trần Văn T, Nguyễn Thị M và Phạm Văn Th.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ bài tú lơ khơ 40 quân bài; 01 (một) chiếc chiếu nhựa; 01 (một) bát sứ có hoa văn màu xanh; 01 (một) bộ bài chắn 120 cây bài; 01 (một) chiếc chiếu tre màu nâu; 01 (một) chiếc chiếu cói màu nâu.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màn hình trắng đen, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy thu của Nguyễn Văn L; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy thu của Nguyễn Thị M và số tiền 15.560.000 đồng (mười năm triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

(Tình trạng các vật chứng trên thể hiện trong Biên bản giao nhận vật chứng lập vào hồi 8 giờ 00 phút, ngày 27/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q).

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Buộc các bị cáo Phạm Thị T, Nguyễn Văn L, Trần Văn T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn T, Trần Văn T, Nguyễn Thị M và Phạm Văn Th mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đ (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND, VKSND tỉnh Q;
- VKSND thị xã Q;
- Công an thị xã Q;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS TX Q;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Phan T Anh**